

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Ông Lương Chí Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(ông A, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn A trình bày: Ông A và bà B có mối quan hệ vợ chồng, ông bà có làm lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông A và bà B thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông

A và bà B đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay ông A xác định giữa ông A và bà B không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu Toà án không công nhận bà B và ông là vợ chồng. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 02 người con: Huỳnh Lạc C, sinh năm 1995; Huỳnh Thanh T, sinh năm 2002 các con đã trưởng thành và đều có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung ông A xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Kim B trình bày: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông A về hôn nhân và con chung. Giữa bà B và ông A là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng, tình cảm giữa bà và ông A cũng không còn mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông A đang chung sống với người phụ nữ khác. Giữa bà và ông A đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, nên bà đồng ý ly hôn với ông A. Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận ông Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Kim B là vợ chồng. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “yêu cầu không công nhận vợ chồng”, bị đơn bà Nguyễn Kim B đang cư trú tại ấp X, xã Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông A và bà B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A và bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Khoảng năm 1994 ông A và bà B tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức tiệc cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở không công nhận ông A và bà B là vợ chồng theo quy tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông A và bà B có 02 người con chung: Huỳnh Lạc C, sinh năm 1995; Huỳnh Thanh T, sinh năm 2002 các con hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tinh thần phát triển bình thường, có khả năng tự nuôi sống bản thân, ông A và bà B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A và bà B thống nhất xác định, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Ông A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Kim B là vợ chồng.

2. Về con chung: Huỳnh Lạc C, sinh năm 1995; Huỳnh Thanh T, sinh năm 2002 đã đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tin thần phát triển bình thường, ông A và bà B cũng không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Kim B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0014665 ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã R, nay được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý